

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I LỚP 6

1. Tập hợp: tập hợp N , tập hợp N^*
2. Lũy thừa với số mũ tự nhiên. Nhân chia hai lũy thừa cùng cơ số.
3. Dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9. Tính chất chia hết của một tổng.
4. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.
5. ƯCLN, BCNN
6. Một số hình học phẳng trong thực tế: Hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân, tam giác đều, lục giác đều.

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I, MÔN: TOÁN 6 - NĂM HỌC: 2023-2024

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng	
	TN	TL	TN	TL	Thấp (TL)	Cao (TL)		
SỐ TỰ NHIÊN	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một phần tử thuộc hay không thuộc tập hợp; - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số tự nhiên, so sánh được hai số tự nhiên cho trước; - Nhận biết được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9; - Nhận biết được một số là số nguyên tố hay hợp số; - Biết cách cho một tập hợp; - Biết sử dụng kí hiệu \in, \notin; - Biết phân tích một số ra thừa số nguyên tố; - Biết tìm ước, bội; ước chung, ước chung lớn nhất; bội chung, bội chung nhỏ nhất; - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa với số mũ tự nhiên trong tập hợp số tự nhiên; - Tìm số chưa biết trong đẳng thức; - Vận dụng được các tính chất phép toán để tính nhanh; - Vận dụng được các phép toán, tính chất chia hết; dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9 ; bội và ước của một số tự nhiên trong giải quyết một số vấn đề toán học và trong tình huống thực tế; - Vận dụng được ƯC, BC, ƯCLN, BCNN để giải quyết một số vấn đề thực tiễn. 							
Số câu	4		2	2	2	2	12	
Số điểm	2,0		1,0	2,0	2,0	1,0	8,0	
Tỉ lệ	20%		10%	20%	20%	10%	80%	
CÁC HÌNH HỌC PHẪNG TRONG THỰC TIỄN	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng được hình vuông, tam giác đều, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân; - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình vuông, tam giác đều, lục giác đều, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ được hình vuông, tam giác đều, lục giác đều, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang cân. 							
Số câu	2				1		3	
Số điểm	1,0				1,0		2,0	

Tỉ lệ	10%				10%		20%
Tổng Số câu	6		2	2	3	2	15
Tổng Số điểm	3,0		1,0	2,0	3,0	1,0	10,0
Tỉ lệ	30%		10%	20%	30%	10%	100%

MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Đề thi có 02 trang

I. Phần trắc nghiệm (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 2 và nhỏ hơn 7 là.

A. $A = \{ 2; 3; 4; 5; 6; 7 \}$ B. $A = \{ 3; 4; 5; 6 \}$

C. $A = \{ 2; 3; 4; 5; 6 \}$ D. $A = \{ 3; 4; 5; 6; 7 \}$

Câu 2: Điều kiện của x để tổng $A = 12 + 14 + 16 + x$ chia hết cho 2 là

A. x là số tự nhiên chẵn B. x là số tự nhiên lẻ

C. x là số tự nhiên bất kì D. $x \in \{ 0; 2; 4; 6; 8 \}$

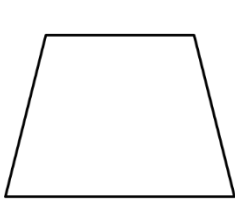
Câu 3: Số nào sau đây là bội chung của 6 và 8 ?

A. 2. B. 24. C. 1. D. 3.

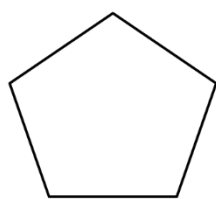
Câu 4: Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố

A. 14 B. 27 C. 5 D. 9

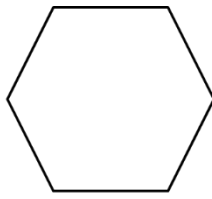
Câu 5: Trong các hình sau, hình nào là hình lục giác đều?



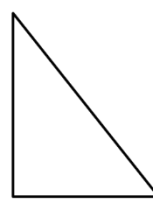
A



B



C



D

A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

Câu 6: Yếu tố nào sau đây không phải của hình thoi?

A. Bốn cạnh bằng nhau B. Hai cạnh đối song song
C. Hai góc đối bằng nhau D. Hai đường chéo bằng nhau

II. Tự luận (7 điểm):

Câu 7: (2 điểm): Thực hiện các phép tính:

a) $28 \cdot 54 + 46 \cdot 28 - 800$

b) $134 + 63 + 37 + 266$

c) $[5^3 \cdot 2 - 5 \cdot (28 - 2 \cdot 11)^2] : 2 - 2019^0$.

Câu 8: (1,5 điểm)

a) Phân tích số 120 ra thừa số nguyên tố.

b) Tìm ƯC(12, 20),

c) Tìm BC (6, 9).

Câu 9: (2 điểm) Tìm số tự nhiên x, biết

a) $x + 47 = 63$

b) $5 \cdot (x - 9) - 11 = 49$

c) $x \in B(12)$ và $20 < x < 40$

d) $6^{x-1} = 36$

Câu 10: (1 điểm) Một đội y tế có 24 bác sĩ và 108 y tá. Có thể chia đội y tế đó nhiều nhất thành mấy tổ để các bác sĩ và các y tá được chia đều vào mỗi tổ?

Câu 11: (0,5 điểm) Chứng tỏ rằng $n \cdot (n + 13)$ chia hết cho 2 với mọi số tự nhiên n.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: Toán 6

Hướng dẫn này gồm 2 trang

I/ Trắc Nghiệm (3 điểm) Mỗi câu đúng 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	B	C	C	D

II/ TỰ LUẬN: (7 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
Câu 7. 2 điểm	a) $28 \cdot 54 + 46 \cdot 28 - 800$ $= 28 \cdot (54 + 46) - 800$ $= 28 \cdot 100 - 800$ $= 2800 - 800$ $= 2000.$	0,25 0,25 0,25
	b) $134 + 63 + 37 + 266$ $= 134 + 266 + 63 + 37$ $= 400 + 100$ $= 500$	0.25 0.25
	c/) $[5^3 \cdot 2 - 5 \cdot (28 - 2 \cdot 11)^2] : 2 - 2019^0.$ $= [125 \cdot 2 - 5 \cdot (28 - 22)^2] : 2 - 1.$ $= [250 - 5 \cdot 6^2] : 2 - 1$ $= [250 - 5 \cdot 36] : 2 - 1$ $= [250 - 180] : 2 - 1$ $= 70 : 2 - 1$ $= 35 - 1$ $= 34$	0.25 0,25 0.25
Câu 8 1,5 điểm	a) Phân tích số 120 ra thừa số nguyên tố. $120 = 2^3 \cdot 3 \cdot 5$	0,5
	b) ƯC (12, 20) = {1; 2; 4 }	0,5
	c) BC (6, 9) = {0; 18; 36; ... }	0,5
Câu 9.	a/ $x + 47 = 63$ $x = 63 - 47$	0.25

2 điểm	$x = 16$	0.25
	b/ $5(x-9) - 11 = 49$ $5(x-9) = 49 + 11$ $5(x-9) = 60$ $x - 9 = 60 : 5$ $x - 9 = 12$ $x = 12 + 9$ $x = 21$	0.25 0.25
	c/ $x \in B(12)$ và $20 < x < 40$ $B(12) = \{0;12;24;36;48;\dots\}$ $x \in B(12)$ và $20 < x < 40$ Nên $x = \{24; 36\}$	0.25 0.25
	d/ $6^{x-1} = 36$ $6^{x-1} = 6^2$ $x-1 = 2$ $x = 2+1 = 3$	0,25 0,25
Câu 10. 1,0 điểm	Gọi x là số tổ Ta có: $24 : x$, $108 : x$ và x lớn nhất. Nên $x = \text{UCLN}(24,108)$ $\text{UCLN}(24,108) = 12$ Do đó $x = 12$ Vậy có thể chia được nhiều nhất thành 12 tổ	0.5 0.25 0,25
Câu 11. 0.5 điểm	Chứng tỏ rằng $n \cdot (n + 13)$ chia hết cho 2 với mọi số tự nhiên n. Nếu n là số chẵn thì $n : 2$ Do đó $n \cdot (n + 13) : 2$ Nếu n là số lẻ thì $(n + 13) : 2$ Do đó $n \cdot (n + 13) : 2$ Vậy $n \cdot (n + 13)$ chia hết cho 2 với mọi số tự nhiên n	0.25 0.25